

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**Báo cáo tài chính tổng hợp đã được soát xét
cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017**



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 – 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ	6 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ	10
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	11 – 39

1. / 2. / 3. / 4. / 5. / 6. / 7. / 8. / 9. / 10. / 11. / 12. / 13. / 14. / 15. / 16. / 17. / 18. / 19. / 20. / 21. / 22. / 23. / 24. / 25. / 26. / 27. / 28. / 29. / 30. / 31. / 32. / 33. / 34. / 35. / 36. / 37. / 38. / 39. / 40. / 41. / 42. / 43. / 44. / 45. / 46. / 47. / 48. / 49. / 50. / 51. / 52. / 53. / 54. / 55. / 56. / 57. / 58. / 59. / 60. / 61. / 62. / 63. / 64. / 65. / 66. / 67. / 68. / 69. / 70. / 71. / 72. / 73. / 74. / 75. / 76. / 77. / 78. / 79. / 80. / 81. / 82. / 83. / 84. / 85. / 86. / 87. / 88. / 89. / 90. / 91. / 92. / 93. / 94. / 95. / 96. / 97. / 98. / 99. / 100.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017.

1. Thông tin chung

Công ty cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (sau đây gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước Công ty Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo Quyết định số 5078/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3500101812 đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 19 tháng 4 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp.

Vốn điều lệ: 186.445.000.000 VND.
(Một trăm tám mươi sáu tỷ bốn trăm bốn mươi lăm triệu đồng).
Số lượng cổ phiếu: 18.644.500 cổ phiếu.
Mệnh giá: 10.000 VND.
Mã chứng khoán: VTG.

Trụ sở chính:
Địa chỉ: Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
Điện thoại: (0254) 385 6445 – 385 6446
Fax: (0254) 385 6444
Email: info@vungtautourist.com.vn
Website: www.vungtautourist.com.vn

Các đơn vị trực thuộc	Địa chỉ
Khu du lịch Biển Đông	Số 08 Thùy Vân, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
Khách sạn Vũng Tàu – Sammy	Số 157 Thùy Vân, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
Khách sạn Thùy Vân	Số 115 Thùy Vân, Phường 02, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
Chi nhánh Vũng Tàu	Số 29 Trần Hưng Đạo, Phường 01, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
Chi nhánh Hồ Chí Minh	Số 275F Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
Chi nhánh Đà Nẵng	Số 101 Nguyễn Du, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ, đồ uống có cồn (rượu, bia), đồ uống không cồn (nước hoa quả, nước khoáng, nước tinh khiết, cà phê, trà), thuốc lá điều sản xuất trong nước, dịch vụ nhà khách, nhà nghỉ, phòng hát karaoke, massage, vũ trường, tắm quất, xông hơi, xoa bóp, vật lý trị liệu, dịch vụ du lịch lữ hành trong và ngoài nước, dịch vụ bãi tắm, bãi biển (đi du thuyền), đưa thuyền, leo núi, cưỡi thuyền bay; Kinh doanh dịch vụ quảng cáo; Kinh doanh bãi tắm, bãi biển; Hoạt động thể thao dưới nước, ...

2. Ban điều hành

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty trong kỳ tài chính và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm/ ngày từ nhiệm</u>
Ông Trần Tuấn Việt	Chủ tịch/ Tổng Giám đốc	18/05/2012	01/04/2017
Ông Nguyễn Hồng Ân	Chủ tịch/ Tổng Giám đốc	01/04/2017	
Ông Nguyễn Hồng Ân	Thành viên/ Phó Tổng Giám đốc	18/05/2012	01/04/2017
Ông Nguyễn Niệm	Thành viên/ Phó Tổng Giám đốc	18/05/2012	
Ông Nguyễn Quốc Lượng	Thành viên	18/05/2012	
Ông Đỗ Đại Minh	Thành viên	18/05/2012	
Ông Nguyễn Tấn Đạt	Thành viên	18/05/2012	
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên	12/06/2015	
Bà Dương Thị Huệ	Thành viên	12/06/2015	

Ban kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Bà Nguyễn Thị Lý	Trưởng ban	27/06/2014	
Bà Nguyễn Thị Thành	Thành viên	12/06/2015	
Bà Vũ Thị Quỳnh Trang	Thành viên	12/06/2015	

Ban Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Trần Tuấn Việt	Tổng Giám đốc	22/06/2012	01/04/2017
Ông Nguyễn Hồng Ân	Tổng Giám đốc	01/04/2017	
Ông Nguyễn Hồng Ân	Phó Tổng Giám đốc	22/06/2012	01/04/2017
Ông Nguyễn Niệm	Phó Tổng Giám đốc	01/07/2012	

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Trần Tuấn Việt	Tổng Giám đốc	22/06/2012	01/04/2017
Ông Nguyễn Hồng Ân	Tổng Giám đốc	01/04/2017	

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính tổng hợp

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Để lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Giám đốc được yêu cầu:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính tổng hợp

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.



NGUYỄN HỒNG AN
Chủ tịch

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 31 tháng 8 năm 2017



Số: 185/2017/BCSX-HCM.00768

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 31 tháng 8 năm 2017, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

1. Như được nêu tại Thuyết minh 5.13 trên Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp, Công ty ghi nhận chi phí thuê đất tại Bãi tắm Thùy Vân (Khu du lịch Biển Đông - 08 Thùy Vân) theo Thông báo tạm nộp tiền thuê đất kỳ 01 năm 2017 của Chi cục thuế Thành phố Vũng Tàu cho diện tích sử dụng kinh doanh là 7.880,20 m². Đối với diện tích đất sử dụng còn lại trên toàn bộ diện tích đất thuê (54.171,10 m²), Công ty đang kiến nghị Chi cục thuế Thành phố Vũng Tàu về đơn giá thuê đất áp dụng phù hợp cho từng mục đích sử dụng đối với từng khu vực đất thuê. Tổng chi phí thuê đất theo thông báo nộp từ Chi cục thuế Thành phố Vũng Tàu chưa được Công ty ghi nhận trong kỳ tài chính là 5.517.911.646 VND. Do đó, chúng tôi chưa đủ cơ sở ghi nhận số tiền 5.517.911.646 VND vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, cũng như chúng tôi chưa thể xác định ảnh hưởng đến các khoản mục liên quan trong Báo cáo tài chính tổng hợp cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ (tiếp theo)

2. Căn cứ trên thông tin Ban Giám đốc cung cấp, Công ty chưa xem xét trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn vào Công ty cổ phần Du lịch Nghinh Phong và Công ty cổ phần Du lịch Minh Đạm mà theo chúng tôi là cần phải trích lập dự phòng cho phù hợp với thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam. Điều này cho thấy rằng nếu Công ty trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn cho các khoản đầu tư trên tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 thì khoản mục "Chi phí tài chính" trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp sẽ tăng lên 1.321.877.632 VND và chỉ tiêu "Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế" sẽ giảm đi tương ứng.

Kết luận ngoại trừ

Ngoại trừ các điều chỉnh đối với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ mà chúng tôi có thể nhận thấy nếu tình huống nêu tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ" không xảy ra, căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không được lập và trình bày, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.



BUI TUYẾT VÂN
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0071-2013-009-1
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 8 năm 2017

NGUYỄN NGỌC THỦY DUNG
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2782-2014-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 6 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		61.093.952.437	56.834.058.971
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	24.264.935.681	15.474.865.575
Tiền	111		18.964.935.681	5.174.865.575
Các khoản tương đương tiền	112		5.300.000.000	10.300.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10.499.152.000	9.499.152.000
Chứng khoán kinh doanh	121	5.2.1	18.821.032.777	18.821.032.777
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	5.2.1	(11.421.880.777)	(11.421.880.777)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2.2	3.100.000.000	2.100.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		20.810.996.841	26.463.112.060
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	20.123.292.817	22.904.826.261
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	2.548.621.745	2.211.387.745
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	8.350.000.000	8.350.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6.1	8.586.019.444	10.274.262.348
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(18.832.967.048)	(17.315.394.177)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		36.029.883	38.029.883
Hàng tồn kho	140	5.8	1.435.039.187	1.684.218.049
Hàng tồn kho	141		1.435.039.187	1.684.218.049
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		4.083.828.728	3.712.711.287
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9.1	1.197.478.439	841.202.967
Thuế GTGT được khấu trừ	152		8.000.000	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.13	2.878.350.289	2.871.508.320

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ


Ngày 30 tháng 6 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		183.020.978.700	186.421.184.109
Các khoản phải thu dài hạn	210		562.673.000	562.673.000
Phải thu dài hạn khác	216	5.6.2	562.673.000	562.673.000
Tài sản cố định	220		66.118.641.858	68.035.850.066
Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	66.118.641.858	68.035.850.066
Nguyên giá	222		132.435.819.974	130.702.752.475
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(66.317.178.116)	(62.666.902.409)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	346.984.178
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	346.984.178
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2.3	110.342.647.117	110.342.647.117
Đầu tư vào công ty con	251		47.595.840.000	47.595.840.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		6.203.529.593	6.203.529.593
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		63.852.176.741	63.852.176.741
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(7.308.899.217)	(7.308.899.217)
Tài sản dài hạn khác	260		5.997.016.725	7.133.029.748
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9.2	5.997.016.725	7.133.029.748
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		244.114.931.137	243.255.243.080


CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU
Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
Ngày 30 tháng 6 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		77.303.919.190	74.174.261.503
Nợ ngắn hạn	310		52.700.942.996	48.860.519.765
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	4.084.818.114	4.909.361.613
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	1.776.762.031	521.015.693
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	23.336.057.909	16.488.375.255
Phải trả người lao động	314		-	59.006.397
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	456.236.571	336.946.565
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15.1	20.395.080.234	22.552.425.105
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16.1	1.620.299.426	2.939.799.426
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	5.17	1.031.688.711	1.053.589.711
Nợ dài hạn	330		24.602.976.194	25.313.741.738
Phải trả dài hạn khác	337	5.15.2	9.012.619.981	9.723.385.525
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.16.2	15.590.356.213	15.590.356.213
NGUỒN VỐN				
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		166.811.011.947	169.080.981.577
Vốn chủ sở hữu	410	5.18	166.811.011.947	169.080.981.577
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		186.445.000.000	186.445.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		186.445.000.000	186.445.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		11.238.309.719	11.238.309.719
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(30.872.297.772)	(28.602.328.142)
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(28.602.328.142)	(22.987.793.356)
LNST chưa phân phối năm nay	421b		(2.269.969.630)	(5.614.534.786)
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		244.114.931.137	243.255.243.080


NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC
Người lập biểu


NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC
Kế toán trưởng




NGUYỄN HỒNG ÂN
Tổng Giám đốc
Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 31 tháng 8 năm 2017


CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ


Kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		71.853.457.405	61.720.269.343
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần	10	6.1.1	71.853.457.405	61.720.269.343
Giá vốn hàng bán	11	6.2	36.121.028.050	30.910.365.526
Lợi nhuận gộp	20		35.732.429.355	30.809.903.817
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.449.470.247	1.473.449.882
Chi phí tài chính	22	6.4	224.501.192	419.971.785
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		224.501.192	275.996.387
Chi phí bán hàng	25	6.5	12.920.148.679	12.955.642.357
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	21.866.572.093	20.155.290.194
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		2.170.677.638	(1.247.550.637)
Thu nhập khác	31	6.7	175.267.243	837.826.985
Chi phí khác	32	6.8	4.615.914.511	48.697.162
Lợi nhuận khác	40		(4.440.647.268)	789.129.823
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(2.269.969.630)	(458.420.814)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(2.269.969.630)	(458.420.814)


NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC
Người lập biểu


NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC
Kế toán trưởng




NGUYỄN HỒNG AN
Tổng Giám đốc
Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 31 tháng 8 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

	Mã số	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	(2.269.969.630)	(458.420.814)
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	3.803.565.939	3.770.006.418
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	1.517.572.871	-
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(15.110.900)	-
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.375.336.043)	(1.849.255.849)
Chi phí lãi vay	06	224.501.192	275.996.387
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	1.885.223.429	1.738.326.142
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	2.722.204.323	1.876.467.439
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	249.178.862	10.753.752
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	614.707.310	3.779.748.303
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	779.737.551	923.118.140
Tiền lãi vay đã trả	14	(224.501.192)	(275.996.387)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(1.080.381.899)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(21.901.000)	(172.770.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	6.004.649.283	6.799.265.490
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(1.915.526.727)	(3.729.378.718)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	200.781.818	473.918.182
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.000.000.000)	(5.500.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(2.860.290.000)	(3.522.219.593)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	7.374.514.500	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.305.441.232	1.359.417.551
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	4.104.920.823	(10.918.262.578)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	305.000.000	455.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.624.500.000)	(1.068.747.324)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.319.500.000)	(613.747.324)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	8.790.070.106	(4.732.744.412)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	15.474.865.575	14.804.313.659
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	24.264.935.681	10.071.569.247

NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC
Người lập biểu

NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC
Kế toán trưởng



NGUYỄN HỒNG AN
Tổng Giám đốc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 31 tháng 8 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (“Công ty”) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước Công ty Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo Quyết định số 5078/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3500101812 đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 19 tháng 4 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp.

Vốn điều lệ: 186.445.000.000 VND.
(Một trăm tám mươi sáu tỷ bốn trăm bốn mươi lăm triệu đồng).

Số lượng cổ phiếu: 18.644.500 cổ phiếu.

Mệnh giá: 10.000 VND.

Mã chứng khoán: VTG.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Bán buôn gạo;
- Mua bán cá và thủy sản, mua bán lương thực;
- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; bán buôn dụng cụ y tế; bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và phẩ phẩm vệ sinh; bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; bán buôn giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự; bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng, thiết bị điện, máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện; Mua bán thiết bị - dụng cụ hệ thống điện (máy biến thế, mô tơ điện, ổn áp, máy phát, dây chì, vật lưu dẫn, bóng đèn, bảng điện, công tắc, cầu chì, aptômát), máy nông ngư cơ, thiết bị máy công nghiệp, khai khoáng, lâm nghiệp và xây dựng;
- Bán buôn phân bón và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp, bán buôn hóa chất dạng nguyên sinh (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh và cấm lưu thông); bán buôn cao su, bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;
- Bán buôn tổng hợp;
- Chở khách du lịch bằng xe xích lô;
- Đại lý vé máy bay, tàu hỏa, tàu thủy, ô tô; Đại lý khai thuê hải quan;
- Môi giới thương mại, ủy thác mua bán hàng hóa; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Cho thuê xe ô tô;
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ (trừ kinh doanh quầy bar, quán giải khát có khiêu vũ);
- Kinh doanh dịch vụ lữ hành trong và ngoài nước;
- Dịch vụ kinh doanh massage, tắm quất, xông hơi, xoa bóp, vật lý trị liệu;
- Dịch vụ phòng hát karaoke, kinh doanh vũ trường; Dịch vụ bãi tắm, bãi biển;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)

- Dịch vụ nhà khách, nhà nghỉ;
- Mua bán thuốc lá điều sản xuất trong nước;
- Mua bán đồ uống không cồn (nước hoa quả, nước ngọt, nước khoáng, nước tinh khiết, cà phê, trà); Mua bán đồ uống có cồn (rượu, bia);
- Dịch vụ Bãi biển (đi du thuyền);
- Kinh doanh dịch vụ quảng cáo;
- Hoạt động thể thao dưới nước, đua thuyền, leo núi, cưỡi thuyền bay;
- Dịch vụ giặt là;
- Dịch vụ trang trí phong cảnh;
- Dịch vụ chống mối mọt;
- Dịch vụ sửa chữa – bảo dưỡng trang thiết bị gia dụng, điều hòa không khí;
- In lụa, in Offset, in khắc gỗ, in ống đồng;
- Mua bán vải, hàng may sẵn, Mua bán giày dép; rèm, màn, ga trải giường, đồ thêu dệt;
- Mua bán xe ô tô (cũ và mới), Mua bán xe tải, rơ moóc, xe đặc chủng, xe địa hình, xe thể thao;
- Mua bán vật liệu xây dựng: cát, đá, sỏi, gạch ngói, xi măng;
- Mua bán các chất bôi trơn làm sạch động cơ;
- Mua bán xăm lốp xe có động cơ, các bộ phận phụ trợ của xe có động cơ (ắcquy);
- Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu; Kinh doanh thiết bị chụp ảnh, tráng phim, tấm kính ảnh, máy quay camera cá nhân;
- Mua bán nông sản thô chưa chế biến (lông động vật, da chưa thuộc, tơ, len thô), nông sản sơ chế (trừ hạt điều, bông vải);
- Mua bán sắt thép xây dựng, tôn và thép lá, khung nhôm, khung đồng;
- Cho thuê áo cưới, phòng cưới, quay phim, chụp ảnh, nhạc cụ;
- Trang trí các buổi biểu diễn, tổ chức sự kiện và hội chợ;
- Cắt tóc, trang điểm;
- Dịch vụ các hoạt động nhiếp ảnh;
- Hoạt động thu gom rác thải sinh hoạt;
- Dịch vụ quảng cáo bất động sản, quản lý bất động sản;
- Sản xuất các loại khăn lạnh, khăn giấy;
- Đầu tư tạo lập nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; Mua nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; Thuê nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại; Đầu tư cải tạo đất và công trình hạ tầng trên đất để cho thuê lại; Đầu tư cải tạo đất và công trình hạ tầng trên đất để cho thuê, thuê quyền sử dụng đất có hạ tầng để cho thuê lại;
- Dịch vụ vệ sinh nhà ở, công sở, nhà hàng, khách sạn, biệt thự, hồ bơi, cổng rào;
- Vận tải hành khách và khách du lịch bằng ô tô; và
- Đại lý thu đổi ngoại tệ (chỉ áp dụng loại hình dịch vụ này cho: Chi nhánh Công ty cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu – Khu du lịch Biển Đông, địa chỉ: 08 Thùy Vân, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Khách sạn Vũng Tàu – Sammy, địa chỉ: 157 Thùy Vân, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu).

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

1.5 Cấu trúc Công ty

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty cổ phần Du lịch Thùy Vân	Số 115 Thùy Vân, Phường 02, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Kinh doanh dịch vụ khách sạn; Ăn uống; Lữ hành nội địa và quốc tế; Kinh doanh bãi biển, đi du thuyền; Hoạt động giải trí ca nô, trượt nước, ca nô kéo dù; Mua bán đồ dùng cá nhân, đồ trang sức; Mua bán quần áo may sẵn, đồ thể thao; Đại lý bán vé máy bay, tàu thủy, tàu hỏa cho khách du lịch.	50,07%	50,07%
Công ty cổ phần Du lịch Nghinh Phong	Số 06 Thùy Vân, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Hoạt động vui chơi giải trí, dịch vụ lưu trú ngắn ngày, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động, đại lý du lịch, cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí.	96,18%	96,18%
Công ty TNHH Lữ hành Vũng Tàu (*)	Số 29 Trần Hưng Đạo, Phường 01, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Kinh doanh dịch vụ lữ hành trong nước và quốc tế.	100,00%	100,00%

(*) Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành quyết định giải thể Công ty TNHH Lữ hành Vũng Tàu. Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Lữ hành Vũng Tàu được chuyển giao cho Công ty. Công ty TNHH Lữ hành Vũng Tàu đang tiến hành các thủ tục để giải thể công ty.

Công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty cổ phần Đầu tư Khách sạn Biển Đông	Số 65 Huyện Trần Công Chúa, Phường 08, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch; Khách sạn, biệt thự, căn hộ du lịch; Kinh doanh dịch vụ ăn uống; Kinh doanh dịch vụ vận chuyển khách du lịch; Kinh doanh hoạt động câu lạc bộ giải trí.	26,53%	26,53%
Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm	Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch; Khách sạn, biệt thự, căn hộ du lịch; Kinh doanh dịch vụ vận chuyển khách du lịch.	35,00%	35,00%

Các đơn vị trực thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Khu du lịch Biển Đông	Số 08 Thùy Vân, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
Khách sạn Vũng Tàu – Sammy	Số 157 Thùy Vân, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
Khách sạn Thùy Vân	Số 115 Thùy Vân, Phường 02, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
Chi nhánh Vũng Tàu	Số 29 Trần Hưng Đạo, Phường 01, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
Chi nhánh Hồ Chí Minh	Số 275F Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
Chi nhánh Đà Nẵng	Số 101 Nguyễn Du, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp

Các số liệu tương ứng của kỳ này so sánh được với số liệu của kỳ trước.

1.7 Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, tổng số nhân viên của Công ty là 389 người (31/12/2016: 430 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng năm và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được theo mệnh giá.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các năm sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các năm sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán tổng hợp. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong trường hợp mua lại công ty khác có giá mua cao hơn giá trị sổ sách. Lợi thế thương mại được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Chi phí sửa chữa, đầu tư cải tạo

Chi phí sửa chữa được ghi nhận theo thực tế phát sinh và phân bổ dần vào chi phí trong thời gian tối đa là 3 năm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Các chi phí khác

Các chi phí khác bao gồm: chi phí quảng cáo, bảo hiểm, ... được ghi nhận theo thực tế phát sinh và phân bổ dần vào chi phí theo thời gian hiệu lực còn lại của các hợp đồng quảng cáo, bảo hiểm, ...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của kỳ hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 50
Máy móc thiết bị	04 – 08
Phương tiện vận tải	06 – 10
Dụng cụ quản lý	03 – 06
Tài sản cố định khác	03 – 05

4.9 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ

4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

4.11 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.12 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và được xác định tương đối chắc chắn. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.13 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

4.14 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp này có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

4.15 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

Công cụ tài chính (tiếp theo)

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.16 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Bên liên quan

Công ty TNHH Lữ hành Vũng Tàu
 Công ty cổ phần Du lịch Thúy Vân
 Công ty cổ phần Du lịch Nghinh Phong
 Công ty cổ phần Đầu tư Khách sạn Biển Đông
 Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm
 Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Quan hệ

Công ty con
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Thành viên chủ chốt

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Tiền mặt tồn quỹ	937.207.138	774.738.535
Tiền gửi ngân hàng	18.027.728.543	4.400.127.040
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	5.300.000.000	10.300.000.000
	24.264.935.681	15.474.865.575

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
 Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

Tiền và các khoản tương đương tiền (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, số dư tiền và các khoản tương đương tiền có gốc ngoại tệ:

		Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền mặt tồn quỹ	USD	100,00	1.992.885
Tiền gửi ngân hàng	USD	3.479,44	79.077.325
		3.579,44	81.070.210

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

5.2.1 Chứng khoán kinh doanh

	30/06/2017			01/01/2017		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
<i>Cổ phiếu</i>						
Công ty cổ phần Dịch vụ						
Thế thao Thi đấu giải trí	16.368.660.000	(*) (8.969.508.000)		16.368.660.000	(*) (8.969.508.000)	
Công ty cổ phần Điều						
dưỡng Du lịch Vũng Tàu	2.452.372.777	(*) (2.452.372.777)		2.452.372.777	(*) (2.452.372.777)	
	18.821.032.777	(11.421.880.777)		18.821.032.777	(11.421.880.777)	

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Số dư đầu kỳ	11.421.880.777	12.768.660.000
Hoàn nhập trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	11.421.880.777	12.768.660.000

5.2.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Ngắn hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng		
• Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Vũng Tàu	1.100.000.000	1.100.000.000
• Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh – Chi nhánh Vũng Tàu	1.500.000.000	1.000.000.000
• Ngân hàng TMCP Á Châu	500.000.000	-
	3.100.000.000	2.100.000.000

5.2.3 Đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/2017			01/01/2017		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty con						
Công ty TNHH Lữ hành Vũng Tàu (a)	-	-	-	-	-	-
Công ty cổ phần Du lịch Thùy Vân (b)	9.800.000.000	-	(*) 9.800.000.000	9.800.000.000	-	(*) 9.800.000.000
Công ty cổ phần Du lịch Nghinh Phong (c)	37.795.840.000	(4.279.268.167)	(*) 37.795.840.000	37.795.840.000	(4.279.268.167)	(*) 37.795.840.000
	47.595.840.000	(4.279.268.167)	47.595.840.000	47.595.840.000	(4.279.268.167)	47.595.840.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

	30/06/2017			01/01/2017		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên kết						
Công ty cổ phần Đầu tư Khách sạn Biển Đông	(d) 5.013.529.593	-	(*)	5.013.529.593	-	(*)
Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm	(e) 1.190.000.000	-	(*)	1.190.000.000	-	(*)
	6.203.529.593	-		6.203.529.593	-	
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
Công ty cổ phần Du lịch Sài Gòn - Bình Châu	28.602.790.000	-	(*)	28.602.790.000	-	(*)
Công ty cổ phần Lạc Việt	13.000.000.000	(1.860.441.050)	(*)	13.000.000.000	(1.860.441.050)	(*)
Công ty cổ phần Thương mại Du lịch Vũng Tàu Sài Gòn	9.390.560.000	-	(*)	9.390.560.000	-	(*)
Công ty cổ phần Du lịch Sinh thái Long Hải	3.468.701.654	-	(*)	3.468.701.654	-	(*)
Công ty TNHH Nam Biển Đông	3.326.935.087	-	(*)	3.326.935.087	-	(*)
Công ty cổ phần Du lịch Minh Đạm	(f) 2.784.000.000	-	(*)	2.784.000.000	-	(*)
Công ty cổ phần Dịch vụ Thể thao Thi đấu giải trí	1.169.190.000	(1.169.190.000)	(*)	1.169.190.000	(1.169.190.000)	(*)
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật điện Thành Công	800.000.000	-	(*)	800.000.000	-	(*)
Công ty cổ phần San hô Xanh Côn Đảo	800.000.000	-	(*)	800.000.000	-	(*)
Công ty cổ phần Du lịch An Hoa	500.000.000	-	(*)	500.000.000	-	(*)
Hợp tác xã Du lịch Biển Xanh	10.000.000	-	(*)	10.000.000	-	(*)
	63.852.176.741	(3.029.631.050)		63.852.176.741	(3.029.631.050)	
Tổng cộng	117.651.546.334	(7.308.899.217)		117.651.546.334	(7.308.899.217)	

Tình hình hoạt động của công ty con, công ty liên kết

Công ty con

- Công ty TNHH Lữ hành Vũng Tàu – Xem thuyết minh 1.5.
- Công ty cổ phần Du lịch Thủy Vân hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 49003000221 đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 18 tháng 02 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp, vốn điều lệ là 15.380.000.000 VND; trong đó, Công ty đã góp 7.700.000.000 VND, tương đương 50,07% vốn điều lệ.
- Công ty cổ phần Du lịch Nghinh Phong hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3502213663 đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 21 tháng 9 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp, vốn điều lệ là 39.295.840.000 VND; trong đó, Công ty đã góp 37.795.840.000 VND, tương đương 96,18% vốn điều lệ.

Công ty liên kết

- Công ty cổ phần Đầu tư khách sạn Biển Đông hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500770108 đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 24 tháng 9 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp, vốn điều lệ là 49.000.000.000 VND; trong đó, Công ty cam kết góp 13.000.000.000 VND, tương đương 26,53% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ tài chính, Công ty đã góp 5.013.529.593 VND, tương đương 10,23% vốn điều lệ. Công ty cổ phần Đầu tư khách sạn Biển Đông đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng, chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

- e. Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3501454916 ngày 28 tháng 8 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp, vốn điều lệ là 20.000.000.000 VND; trong đó, Công ty cam kết góp 7.000.000.000 VND, tương đương 35,00% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ tài chính, Công ty đã góp 1.190.000.000 VND, tương đương 5,95% vốn điều lệ. Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm đã ngừng hoạt động.

Đầu tư dài hạn khác

- f. Công ty cổ phần Du lịch Minh Đạm hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500613923 đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 05 tháng 4 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp, vốn điều lệ là 100.000.000.000 VND; trong đó, Công ty cam kết góp 10.000.000.000 VND, tương đương 10,00% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ tài chính, Công ty đã góp 2.784.000.000 VND, tương đương 2,78% vốn điều lệ.

Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã thu hồi 152.619,5 m² đất cho Công ty cổ phần Du lịch Minh Đạm thuê để thực hiện dự án đầu tư Khu du lịch Minh Đạm tại thị trấn Phước Hải, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Giá trị hợp lý

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Giao dịch với các công ty con và các công ty liên kết

Giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết được trình bày ở Thuyết minh số 8.1.2.

Tình hình biến động dự phòng đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Số dư đầu kỳ	7.308.899.217	7.308.899.217
Trích lập trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	7.308.899.217	7.308.899.217

Các cam kết góp vốn nhưng chưa thực hiện tại ngày kết thúc kỳ tài chính 30 tháng 6 năm 2017

	Vốn điều lệ của đơn vị nhận vốn đầu tư VND	Cam kết góp vốn của Công ty		
		Vốn cam kết góp VND	Vốn đã góp đến 30/06/2017 VND	Vốn chưa góp đến 30/06/2017 VND
Công ty cổ phần Đầu tư Khách sạn Biển Đông	49.000.000.000	13.000.000.000	5.013.529.593	7.986.470.407
Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm	20.000.000.000	7.000.000.000	1.190.000.000	5.810.000.000
Công ty cổ phần Du lịch Minh Đạm	100.000.000.000	10.000.000.000	2.784.000.000	7.216.000.000
Công ty cổ phần Du lịch Sinh thái Long Hải	60.000.000.000	3.500.000.000	3.468.701.654	31.298.346
Công ty cổ phần Thương mại Du lịch Vũng Tàu Sài Gòn	120.000.000.000	12.000.000.000	9.390.560.000	2.609.440.000
Công ty TNHH Nam Biển Đông	25.000.000.000	3.572.350.000	3.326.935.087	245.414.913
		49.072.350.000	25.173.726.334	23.898.623.666

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
<i>Phải thu các bên liên quan</i>		
Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm	107.732.930	107.732.930
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>		
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật điện Thành Công	3.878.297.384	3.878.297.384
Công ty TNHH Hoàng Trung	2.466.577.510	2.466.577.510
Công ty Du lịch Bưu điện Bắc Kinh	2.229.049.200	2.572.765.900
Các khách hàng khác	11.441.635.793	13.879.452.537
	<u>20.123.292.817</u>	<u>22.904.826.261</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, số dư phải thu ngắn hạn của khách hàng có gốc ngoại tệ là 99.219,00 USD tương đương 2.252.271.300 VND.

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
<i>Trả trước cho các nhà cung cấp khác</i>		
DNTN Minh Tuấn	964.454.130	964.454.130
Công Ty TNHH Hải Yến	248.400.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Hải Phát	367.400.000	-
Trả trước nhà cung cấp khác	968.367.615	1.246.933.615
	<u>2.548.621.745</u>	<u>2.211.387.745</u>

5.5 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
<i>Phải thu các bên liên quan</i>		
Công ty cổ phần Du lịch Nghinh Phong	8.350.000.000	8.350.000.000
	<u>8.350.000.000</u>	<u>8.350.000.000</u>

Đây là khoản cho Công ty cổ phần Du lịch Nghinh Phong vay với lãi suất từ 5,0% - 7,0%/năm, thời hạn 12 tháng.

5.6 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác

5.6.1 Phải thu ngắn hạn khác

	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Phải thu các bên liên quan</i>				
Công ty cổ phần Du lịch Nghinh Phong – Lãi vay và các khoản ứng vốn, chi hộ	389.107.528	-	171.949.869	-
Công ty cổ phần Du lịch Thủy Vân – Cổ tức	-	-	189.245.774	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Các khoản bảo hiểm nộp thừa	30.625.094	-	6.461.548	-
Tạm ứng nhân viên	2.653.530.685	(1.429.491.185)	2.811.162.395	(156.275.899)
Ký quỹ ngắn hạn	222.588.388	-	220.087.648	-
Công ty cổ phần Du lịch Sài Gòn - Bình Châu - Cổ tức	-	-	1.716.167.400	-
Công ty cổ phần Thương mại Du lịch Vũng Tàu Sài Gòn – Cổ tức	1.031.649.425	-	1.031.649.425	-
Phải thu khác	4.258.518.324	(2.785.916.959)	4.127.538.289	(2.785.916.959)
	<u>8.586.019.444</u>	<u>(4.215.408.144)</u>	<u>10.274.262.348</u>	<u>(2.942.192.858)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

5.6.2 Phải thu dài hạn khác

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Ký quỹ lý hành quốc tế	500.000.000	-	500.000.000	-
Ký quỹ thuê văn phòng chi nhánh Hồ Chí Minh	62.673.000	-	62.673.000	-
	562.673.000	-	562.673.000	-

5.7 Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	30/06/2017		Thời gian quá hạn	01/01/2017	
		Giá gốc VND	Dự phòng VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND
Bên liên quan						
Công ty Cổ phần Giải trí thể thao Minh Đạm	Trên 2 năm	107.732.930	(75.413.051)	Trên 2 năm	107.732.930	-
Các tổ chức và cá nhân khác						
- Phải thu tiền bán hàng Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Điện Thành Công	Trên 3 năm	3.878.297.384	(3.878.297.384)	Trên 3 năm	3.878.297.384	(3.878.297.384)
Công ty TNHH Hoàng Trung	Trên 3 năm	2.466.577.510	(2.466.577.510)	Trên 3 năm	2.466.577.510	(2.466.577.510)
Công ty TNHH Thiện Trân	Trên 3 năm	1.438.306.242	(1.438.306.242)	Trên 3 năm	1.438.306.242	(1.438.306.242)
Công ty TNHH Tiểu Hưng Long	Trên 3 năm	1.825.472.115	(1.825.472.115)	Trên 3 năm	1.825.472.115	(1.825.472.115)
Các tổ chức và cá nhân khác		3.781.622.695	(3.734.677.195)		3.706.549.979	(3.623.551.479)
- Trả trước cho người bán ngắn hạn		1.198.815.407	(1.198.815.407)		1.140.996.589	(1.140.996.589)
- Phải thu khác		2.785.916.959	(2.785.916.959)		2.785.916.959	(2.785.916.959)
- Tạm ứng cho nhân viên		1.429.491.185	(1.429.491.185)		156.275.899	(156.275.899)
		18.912.232.427	(18.832.967.048)		17.506.125.607	(17.315.394.177)

Tình hình biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Số dư đầu kỳ	17.315.394.177	10.969.420.719
Trích lập trong kỳ	1.530.172.871	-
Hoàn nhập trong kỳ	(12.600.000)	-
Số dư cuối kỳ	18.832.967.048	10.969.420.719

5.8 Hàng tồn kho

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	486.841.212	-	654.020.385	-
Công cụ, dụng cụ	255.059.185	-	306.540.655	-
Hàng hóa	693.138.790	-	723.657.009	-
	1.435.039.187	-	1.684.218.049	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

5.9 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn

5.9.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Chi phí công cụ, dụng cụ	205.842.346	233.767.272
Chi phí khác	991.636.093	607.435.695
	1.197.478.439	841.202.967

5.9.2 Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Lợi thế thương mại	91.383.483	1.187.985.051
Chi phí sửa chữa, đầu tư cải tạo	2.748.462.707	3.433.890.336
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.356.464.424	1.744.373.709
Chi phí khác	800.706.111	766.780.652
	5.997.016.725	7.133.029.748

5.10 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Dụng cụ quản lý VND	TSCĐ khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Vào ngày 01/01/2017	113.208.199.014	4.866.333.653	8.715.636.191	484.910.842	3.427.672.775	130.702.752.475
Mua sắm trong kỳ	1.838.526.727	32.699.091	-	-	77.000.000	1.948.225.818
Thanh lý/ Xóa sổ	(138.356.558)	-	(76.801.761)	-	-	(215.158.319)
Phân loại lại	-	36.818.182	-	(36.818.182)	-	-
Vào ngày 30/06/2017	114.908.369.183	4.935.850.926	8.638.834.430	448.092.660	3.504.672.775	132.435.819.974
Giá trị hao mòn lũy kế						
Vào ngày 01/01/2017	51.926.171.678	3.153.010.051	4.532.214.399	439.828.232	2.615.678.049	62.666.902.409
Khấu hao trong kỳ	2.962.605.955	233.069.412	449.820.143	9.167.582	148.902.847	3.803.565.939
Thanh lý/ Xóa sổ	(138.356.558)	-	(14.933.674)	-	-	(153.290.232)
Phân loại lại	-	9.204.546	-	(9.204.546)	-	-
Vào ngày 30/06/2017	54.750.421.075	3.395.284.009	4.967.100.868	439.791.268	2.764.580.896	66.317.178.116
Giá trị còn lại						
Vào ngày 01/01/2017	61.282.027.336	1.713.323.602	4.183.421.792	45.082.610	811.994.726	68.035.850.066
Vào ngày 30/06/2017	60.157.948.108	1.540.566.917	3.671.733.562	8.301.392	740.091.879	66.118.641.858
<i>Trong đó: Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng</i>						
Vào ngày 01/01/2017	2.251.799.547	1.105.737.641	-	192.516.720	1.268.916.358	4.818.970.266
Vào ngày 30/06/2017	2.256.567.789	1.143.250.368	1.058.083.545	381.681.770	1.463.908.335	6.303.491.807

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 29.896.073.565 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bà Rịa – Vũng Tàu (Xem thuyết minh số 5.16.2).

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

5.11 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả bên liên quan				
Công ty cổ phần Du lịch Nghinh Phong	20.020.000	20.020.000	-	-
Phải trả các nhà cung cấp khác				
Công ty TNHH Ngôi Sao Việt	-	-	308.271.000	308.271.000
Các nhà cung cấp khác	4.064.798.114	4.064.798.114	4.601.090.613	4.601.090.613
	4.084.818.114	4.084.818.114	4.909.361.613	4.909.361.613

5.12 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Trả trước của các khách hàng khác		
Công ty TNHH Mytour Việt Nam	827.253.028	146.551.028
China Comfort Travel Group Co., Ltd.	238.140.000	-
Các khách hàng khác	711.369.003	374.464.665
	1.776.762.031	521.015.693

5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2017		Số phát sinh trong kỳ		30/06/2017	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp/ được khấu trừ	Phải thu	Phải nộp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT hàng nội địa (*)	-	724.638.083	8.810.156.510	(7.762.602.728)	-	1.772.191.865
Thuế TTĐB hàng bán (*)	-	3.214.312	339.129.867	(1)	-	342.344.178
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	2.870.865.911	375.729.110	3.118.116.538	-	2.870.865.911	3.493.845.648
Thuế thu nhập cá nhân	642.409	51.137.234	207.776.716	(211.670.424)	7.484.378	54.085.495
Tiền thuê đất	-	15.333.656.516	5.126.338.544	(3.000.000.000)	-	17.459.995.060
Các loại thuế khác	-	-	222.595.663	(9.000.000)	-	213.595.663
Cộng	2.871.508.320	16.488.375.255	17.824.113.838	(10.983.273.153)	2.878.350.289	23.336.057.909

(*) Trong đó, theo Kết luận thanh tra số 324/KLTT ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Thanh tra Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về thanh tra toàn diện hoạt động của Công ty cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu trong 04 năm (2011 – 2014), số thuế Công ty phải nộp tăng thêm như sau:

Thuế giá trị gia tăng	477.414.420
Thuế tiêu thụ đặc biệt	339.129.867
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.118.116.538
	3.934.660.825

Thuế giá trị gia tăng (“GTGT”)

Công ty nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế GTGT cho các sản phẩm, dịch vụ tiêu thụ trong nước của Công ty là 10%.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế và tính toán của Ban lãnh đạo Công ty căn cứ vào đơn giá và diện tích đất thuê theo qui định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (tiếp theo)

Theo Thông báo tạm nộp tiền thuê đất tại Bãi tắm Thùy Vân (Khu du lịch Biển Đông - 08 Thùy Vân) số 3829/164/TB-CCT ngày 28/04/2017 của Chi cục thuế Thành phố Vũng Tàu, Công ty tạm ghi nhận chi phí thuê đất cho kỳ kế toán như sau:

	6 tháng đầu năm 2017
	VND
Diện tích đất thuê (m ²)	54.171,10
Diện tích đất sử dụng kinh doanh (m ²)	7.880,20
Tiền thuê đất tạm tính kỳ 01 (VND)	6.624.291.726
Ghi nhận chi phí thuê đất trong kỳ (VND)	1.106.380.080
Chênh lệch chưa được ghi nhận (VND)	5.517.911.646

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")

Chi phí thuế TNDN hiện hành được ước tính như sau:

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(2.269.969.630)	(458.420.814)
Điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận trước thuế:		
<i>Chi phí không được trừ</i>	217.246.685	48.697.162
Tổng thu nhập chịu thuế	(2.052.722.945)	(409.723.652)
Thu nhập được miễn thuế	(31.093.802)	(150.928.010)
Thu nhập tính thuế	(2.083.816.747)	(560.651.662)
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

Các loại thuế và các khoản phải nộp Nhà nước khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

5.14 Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Chi phí thuê mặt bằng, thuê nhà	288.600.000	236.200.000
Các chi phí khác	167.636.571	100.746.565
	456.236.571	336.946.565

5.15 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác

5.15.1 Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
<i>Phải trả ngắn hạn các tổ chức, cá nhân khác</i>		
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	179.624.802	40.068.298
Cổ tức phải trả	10.332.391.800	10.332.391.800
Ông Nguyễn Ngọc Mỹ – Tiền đặt cọc mua khoản đầu tư	7.399.152.000	3.600.000.000
Sở Tài chính Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu – Tiền phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai	575.000.000	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	412.994.850	43.483.000
Phải trả khác	1.495.916.782	8.536.482.007
	20.395.080.234	22.552.425.105

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

5.15.2 Phải trả dài hạn khác

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải trả dài hạn cho bên liên quan		
Công ty cổ phần Du lịch Thùy Vân – Phải trả về tiền nhận tạm chia khấu hao	5.051.359.758	4.954.641.088
Phải trả dài hạn các tổ chức, cá nhân khác		
Lãi tiền gửi ngân hàng phát sinh từ tiền bán cổ phần tạm thu lúc cổ phần hóa	336.725.655	336.725.655
Sở Tài chính Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu – Tạm ứng vốn kinh doanh	249.800	249.800
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	3.624.284.768	4.431.768.982
	9.012.619.981	9.723.385.525

5.16 Vay và nợ thuê tài chính

5.16.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay cá nhân ngắn hạn (*)	540.000.000	540.000.000	785.000.000	785.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả				
• Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bà Rịa – Vũng Tàu	1.080.299.426	1.080.299.426	2.154.799.426	2.154.799.426
	1.620.299.426	1.620.299.426	2.939.799.426	2.939.799.426

(*) Đây là khoản vay cá nhân ngắn hạn với mục đích hỗ trợ vốn kinh doanh của Chi nhánh Hồ Chí Minh, lãi suất 1,00%/tháng, thời hạn vay 01 tháng, không tài sản đảm bảo.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ:

	Tại ngày 01/01/2017 VND	Số tiền vay trong kỳ VND	Thanh toán trong kỳ VND	Tại ngày 30/06/2017 VND
Vay cá nhân ngắn hạn	785.000.000	305.000.000	(550.000.000)	540.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	2.154.799.426	-	(1.074.500.000)	1.080.299.426
	2.939.799.426	305.000.000	(1.624.500.000)	1.620.299.426

5.16.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn				
• Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bà Rịa – Vũng Tàu (*)	14.052.342.613	-	14.052.342.613	-
• Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bà Rịa – Vũng Tàu (**)	1.538.013.600	1.538.013.600	3.687.013.600	3.687.013.600
Vay dài hạn đến hạn trả				
• Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bà Rịa – Vũng Tàu	-	-	(2.149.000.000)	(2.149.000.000)
	15.590.356.213	1.538.013.600	15.590.356.213	1.538.013.600

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

Chi tiết các khoản vay dài hạn

(*) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Bà Rịa – Vũng Tàu phát sinh trước cổ phần hóa và hiện đã được khoan nợ.

(**) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bà Rịa – Vũng Tàu:

Hợp đồng tín dụng: 880/KHTD/2013/4774 ngày 28/01/2013;

9601/2015-HĐTDDA/NHCT880-DULICH ngày 04/06/2015 và phụ lục; và

9601/2015-HĐTĐ/NHCT880-DULICH-OTO ngày 04/06/2015 và phụ lục.

Mục đích: Đầu tư, sửa chữa, nâng cấp khách sạn Sammy – Vũng Tàu tại 157 Thùy Vân, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và mua phương tiện vận tải.

Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên đến 29/01/2018.

Ấn hạn trong 03 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên.

Lãi suất vay: Lãi suất áp dụng theo từng thời điểm vay và được điều chỉnh mỗi tháng 1 lần. Lãi suất vay bằng tổng lãi suất cơ sở cộng (+) biên độ 5%/năm. Lãi suất cơ sở được xác định bằng lãi suất tiết kiệm trả lãi sau do ngân hàng công bố cộng (+) chi phí huy động vốn tăng thêm (chỉ áp dụng trong trường hợp có biến động tiền tệ).

Tài sản đảm bảo: Quyền sở hữu công trình xây dựng khách sạn Sammy – Vũng Tàu tại 157 Thùy Vân, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (bao gồm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 599767, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng số 777472650900183 do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 22 tháng 12 năm 2008).

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Dưới 1 năm	1.080.299.426	2.149.000.000
Trên 1 năm đến dưới 5 năm	1.538.013.600	1.538.013.600
Trên 5 năm	14.052.342.613	14.052.342.613
	16.670.655.639	17.739.356.213

5.17 Quỹ khen thưởng và phúc lợi

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Số dư đầu kỳ	1.053.589.711	1.226.359.711
Chi trong kỳ	(21.901.000)	(172.770.000)
Số dư cuối kỳ	1.031.688.711	1.053.589.711

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thới Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

5.18 Vốn chủ sở hữu

5.18.1 Bảng biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2016	186.445.000.000	11.238.309.719	(22.987.793.356)	174.695.516.363
Lỗ trong 6 tháng đầu năm 2016	-	-	(458.420.814)	(458.420.814)
Số dư tại ngày 01/07/2016	186.445.000.000	11.238.309.719	(23.446.214.170)	174.237.095.549
Lỗ trong 6 tháng cuối năm 2016	-	-	(5.156.113.972)	(5.156.113.972)
Số dư tại ngày 01/01/2017	186.445.000.000	11.238.309.719	(28.602.328.142)	169.080.981.577
Lỗ trong 6 tháng đầu năm 2017	-	-	(2.269.969.630)	(2.269.969.630)
Số dư tại ngày 30/06/2017	186.445.000.000	11.238.309.719	(30.872.297.772)	166.811.011.947

5.18.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3500101812 đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 19 tháng 4 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp:

Vốn điều lệ:	186.445.000.000	VND
Tổng số cổ phần:	18.644.500	cổ phần
Mệnh giá cổ phần:	10.000	VND

Trong đó:

Cổ đông	30/06/2017		01/01/2017	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	109.784.000.000	58,88	109.784.000.000	58,88
Các cổ đông khác	76.661.000.000	41,12	76.661.000.000	41,12
	186.445.000.000	100,00	186.445.000.000	100,00

5.18.3 Cổ phiếu

	30/06/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.644.500	18.644.500
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.644.500	18.644.500
• Cổ phiếu phổ thông	18.644.500	18.644.500
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
• Cổ phiếu phổ thông	-	-
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.644.500	18.644.500
• Cổ phiếu phổ thông	18.644.500	18.644.500
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phần)	10.000	10.000

5.19 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán tổng hợp

Ngoại tệ các loại

	30/06/2017	01/01/2017
Dollar Mỹ (USD)	3.579,44	619,15

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**6.1 Doanh thu****6.1.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Doanh thu dịch vụ nhà hàng, khách sạn	57.527.462.473	53.099.031.948
Doanh thu dịch vụ lữ hành	14.325.994.932	8.621.237.395
	71.853.457.405	61.720.269.343

6.1.2 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

6.2 Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Giá vốn - nhà hàng, khách sạn	22.610.612.820	22.747.672.648
Giá vốn - lữ hành	13.510.415.230	8.162.692.878
	36.121.028.050	30.910.365.526

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	196.984.387	178.785.141
Cổ tức, lợi nhuận được chia	31.093.802	150.928.010
Lãi chuyển nhượng quyền mua chứng khoán	715.072.500	1.029.704.400
Lãi cho vay	382.771.528	111.505.556
Lãi chênh lệch tỷ giá	123.548.030	2.526.775
	1.449.470.247	1.473.449.882

6.4 Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Chi phí lãi vay	224.501.192	275.996.387
Chi phí tài chính khác	-	143.975.398
	224.501.192	419.971.785

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

6.5 Chi phí bán hàng

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Chi phí nhân viên	7.067.408.778	6.908.626.553
Chi phí khấu hao	1.042.365.804	982.238.197
Chi phí bán hàng khác	4.810.374.097	5.064.777.608
	12.920.148.679	12.955.642.357

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Chi phí nhân viên	8.783.037.268	8.297.640.608
Chi phí thuê đất	5.126.338.544	5.364.658.745
Chi phí quản lý khác	7.957.196.281	6.492.990.841
	21.866.572.093	20.155.290.194

6.7 Thu nhập khác

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Lãi thanh lý tài sản cố định	121.297.823	378.332.742
Thu cho thuê mặt bằng	-	449.637.733
Thu nhập khác	53.969.420	9.856.510
	175.267.243	837.826.985

6.8 Chi phí khác

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Bị phạt thuế, truy thu thuế	4.542.722.113	-
Chi phí khác	73.192.398	48.697.162
	4.615.914.511	48.697.162

6.9 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12.622.659.174	12.420.134.043
Chi phí nhân công	20.717.027.207	20.286.734.324
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.803.565.939	3.770.006.418
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.099.690.433	6.083.628.814
Chi phí khác bằng tiền	15.757.393.386	11.994.935.514
	69.000.336.139	54.555.439.113

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

7.1 Tiền thu từ đi vay

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	305.000.000	455.000.000
	305.000.000	455.000.000

7.2 Tiền trả nợ gốc vay

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	1.624.500.000	1.068.747.324
	1.624.500.000	1.068.747.324

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường gồm có: rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Các phân tích về độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan tới tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Các phân tích độ nhạy này được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa và dịch vụ do thực hiện việc mua hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan về thị trường nhằm quản lý thời điểm, đồng thời tổ chức đấu thầu cho các hợp đồng mua hàng có giá trị lớn với các nhà thầu, nhà cung cấp trên cơ sở đơn giá cố định hoặc giá trọn gói cố định.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 30/06/2017				
Các khoản vay và nợ thuê TC	1.620.299.426	1.538.013.600	14.052.342.613	17.210.655.639
Phải trả người bán	4.084.818.114	-	-	4.084.818.114
Phải trả khác và chi phí phải trả	19.921.717.654	9.012.619.981	-	28.934.337.635
	25.626.835.194	10.550.633.581	14.052.342.613	50.229.811.388
Tại ngày 31/12/2016				
Các khoản vay và nợ thuê TC	2.939.799.426	1.538.013.600	14.052.342.613	18.530.155.639
Phải trả người bán	4.909.361.613	-	-	4.909.361.613
Phải trả khác và chi phí phải trả	22.676.683.758	9.723.385.525	-	32.400.069.283
	30.525.844.797	11.261.399.125	14.052.342.613	55.839.586.535

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

iv. Giá trị hợp lý

So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/06/2017 VND	31/12/2016 VND	30/06/2017 VND	31/12/2016 VND
Tài sản tài chính				
Chứng khoán kinh doanh	7.399.152.000	7.399.152.000	7.399.152.000	7.399.152.000
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	3.100.000.000	2.100.000.000	3.100.000.000	2.100.000.000
Các khoản cho vay và phải thu				
<i>Phải thu khách hàng</i>	6.779.962.371	9.672.621.531	6.779.962.371	9.672.621.531
<i>Phải thu về cho vay</i>	8.350.000.000	8.350.000.000	8.350.000.000	8.350.000.000
<i>Phải thu khác</i>	2.592.165.562	3.517.243.118	2.592.165.562	3.517.243.118
Tài sản tài chính dài hạn	60.822.545.691	60.822.545.691	60.822.545.691	60.822.545.691
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	24.264.935.681	15.474.865.575	24.264.935.681	15.474.865.575
Tổng cộng	113.308.761.305	107.336.427.915	113.308.761.305	107.336.427.915
Nợ phải trả tài chính				
Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ				
<i>Vay và nợ thuê tài chính</i>	17.210.655.639	18.530.155.639	17.210.655.639	18.530.155.639
<i>Phải trả người bán</i>	4.084.818.114	4.909.361.613	4.084.818.114	4.909.361.613
<i>Phải trả khác và chi phí phải trả</i>	28.934.337.635	32.400.069.283	28.934.337.635	32.400.069.283
Tổng cộng	50.229.811.388	55.839.586.535	50.229.811.388	55.839.586.535

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Giá trị hợp lý (tiếp theo)

Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý cho mục đích thuyết trình trên Báo cáo tài chính tổng hợp:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả, phải nộp khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn hạn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác được Công ty đánh giá dựa trên các thông tin về khoản trả nợ của từng khách hàng và đối tượng nợ. Trên cơ sở đánh giá này, Công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đánh giá giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.
- Giá trị hợp lý của chứng khoán niêm yết được xác định dựa trên giá công bố tại ngày lập báo cáo.
- Giá trị hợp lý của chứng khoán chưa niêm yết, các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính được trình bày bằng giá trị ghi sổ.
- Các khoản vay ngân hàng mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các khoản vay ngân hàng được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

Tài sản đảm bảo

Công ty thế chấp tài sản của mình cho các khoản vay (Xem thuyết minh số 5.10 và 5.16).

Công ty nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác (Xem thuyết minh số 5.15).

9. CÁC THÔNG TIN KHÁC

9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

9.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc trong kỳ như sau:

	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Tiền lương, tiền thưởng	530.498.998	563.458.583
	530.498.998	563.458.583

Công ty không có giao dịch và số dư phải thu/ (phải trả) với các thành viên chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

9.1.2 Giao dịch và số dư với các bên có liên quan khác

Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các công ty con và công ty liên kết như sau:


Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
Công ty cổ phần Du lịch Nghinh Phong	Mua dịch vụ Cho vay Lãi cho vay Chi hộ	20.020.000 - 382.771.528 6.336.000	- 4.500.000.000 111.505.556 5.289.000
Công ty cổ phần Du lịch Thùy Vân	Cổ tức được chia Thu ứng khấu hao	31.093.802 96.718.670	150.928.010 48.359.305

Số dư phải thu/ (phải trả) giữa Công ty với các công ty con và công ty liên kết như sau:


Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Công ty cổ phần Du lịch Nghinh Phong	Phải thu về cho vay Phải thu khác Phải trả người bán	8.350.000.000 389.107.528 (20.020.000)	8.350.000.000 171.949.869 -
Công ty cổ phần Du lịch Thùy Vân	Phải thu khác Phải trả khác	- (5.051.359.758)	189.245.774 (4.954.641.088)
Công ty cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm	Phải thu khách hàng	107.732.930	107.732.930

9.2 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.


NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC
Người lập biểu


NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC
Kế toán trưởng


NGUYỄN HỒNG AN
Tổng Giám đốc
Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 31 tháng 8 năm 2017